

Số: 1262 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 17 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính và quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực Người có công thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ- LĐTĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ về lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Lao động- Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2132/LĐTBXH-NCC ngày 06 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính và quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ về lĩnh vực người có công thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Thủ tục hành chính:

- Ban hành mới: 29 thủ tục hành chính cấp tỉnh; 01 thủ tục hành chính cấp huyện; 01 thủ tục hành chính cấp xã.

- Bãi bỏ: 26 thủ tục hành chính cấp tỉnh (từ thủ tục số 61 đến thủ tục số 80; từ thủ tục số 82 đến thủ tục số 86); 02 thủ tục hành chính cấp huyện (thủ tục số 18, 19) và 02 thủ tục hành chính cấp xã (thủ tục số 15,16) về lĩnh vực người có công đã được công bố tại Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

2. Quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính:

- Ban hành mới: 29 quy trình điện tử cấp tỉnh; 01 quy trình điện tử cấp huyện; 01 quy trình điện tử cấp xã.

- Bãi bỏ: 26 quy trình điện tử cấp tỉnh (từ quy trình số 61 đến quy trình số 80; từ quy trình số 82 đến quy trình số 86); 02 quy trình điện tử cấp huyện (quy trình số 18, 19) và 02 quy trình điện tử cấp xã (quy trình số 15,16) đã được ban hành tại Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

(Danh mục, nội dung thủ tục hành chính và quy trình điện tử đính kèm).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và các nội dung khác tại Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 và Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thành phố Long Khánh, Biên Hòa; UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai các thủ tục hành chính đã được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử; tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của cơ quan, đơn vị.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cập nhật nội dung các thủ tục hành chính, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính đã được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội trên phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh (Egov); thực hiện tích hợp, kết nối cung cấp dịch vụ công đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tin và Truyền thông; Trung tâm hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, Biên Hòa; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /v

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Lao động - TBXH;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (1022);
- Lưu: VT, KGVX, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ THỰC HIỆN
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC
NGƯỜI CÓ CÔNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang	
			TTHC	Quy trình điện tử
LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG				
Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	1.010801	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	08	83
2	1.010802	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	11	84
3	1.010803	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (liên thông)	13	85
4	1.010804	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” (liên thông)	15	86
5	1.010805	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an (liên thông)	17	87

6	1.010806	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh (liên thông)	19	88
7	1.010807	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	22	89
8	1.010808	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	24	90
9	1.010809	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	26	91
10	1.010810	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an (liên thông)	28	92
11	1.010811	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý (liên thông)	32	93
12	1.010814	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và	35	94

		Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ (liên thông)		
13	1.010817	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (liên thông)	36	95
14	1.010818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày (liên thông)	39	96
15	1.010819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế (liên thông)	41	97
16	1.010820	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng (liên thông)	43	98
17	1.010821	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (liên thông)	45	99
18	1.010822	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	48	100
19	1.010823	Hưởng lại chế độ ưu đãi	49	101
20	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần (liên thông)	51	102
21	1.010825	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ (liên thông)	55	103

22	1.010826	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	57	104
23	1.010827	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	59	105
24	1.010828	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	61	106
25	1.010829	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	63	107
26	1.010830	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	67	109
27	1.010831	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh	70	111
28	1.010815	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	71	112
29	1.010816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	75	114
Thủ tục hành chính cấp huyện				
01	1.010832	Thăm viếng mộ liệt sĩ	80	115
Thủ tục hành chính cấp xã				
01	1.010833	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	82	116

2. Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính
Lĩnh Vực Người Có Công		
Thủ tục hành chính cấp tỉnh		
1	2.000978	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động
2	1.002252	Thủ tục hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần
3	1.002271	Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần
4	1.004967	Thủ tục hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp: - Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù; - Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú; - Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ - Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra
5	1.002305	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ
6	1.002354	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác
7	1.002363	Thủ tục giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến
8	1.002377	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh

9	1.002382	Thủ tục giám định vết thương còn sót
10	1.002393	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh
11	1.002410	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
12	1.003351	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
13	1.002429	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày
14	1.002440	Thủ tục giải quyết chế độ người HĐKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế
15	1.003423	Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng
16	1.002449	Thủ tục sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công
17	1.002487	Thủ tục di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng
18	1.006779	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
19	1.002519	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng
20	1.002720	Thủ tục giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ
21	1.002741	Thủ tục xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ
22	1.002745	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ
23	1.003025	Thủ tục đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ
24	1.003042	Thủ tục lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình

25	1.003057	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ
26	1.003159	Thủ tục hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ
Thủ tục hành chính cấp huyện		
01	2.001375	Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ
02	2.001378	Thủ tục hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng
Thủ tục hành chính cấp xã		
01	2.001382	Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ
02	1.003337	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi